

Số: /GPMT-KCNĐN Đồng Nai, ngày tháng năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các cơ sở đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-KCNĐN ngày 03/05/2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về thành lập hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường dự án của Công ty TNHH Ryder Industries Việt Nam tại khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ văn bản số 1402/KCNĐN-MT ngày 06/6/2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH Ryder Industries Việt Nam;*

*Xét đề nghị của Công ty TNHH Ryder Industries Việt Nam tại văn bản số 09/2024/RIV đề ngày 12/7/2024 về việc giải trình chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án tại Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;*

*Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Ryder Industries Việt Nam (sau đây gọi là chủ dự án) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất của Công ty TNHH Ryder Industries Việt Nam: Sản xuất bo mạch điện tử (không bao gồm công đoạn xi mạ), công suất 900.000 sản phẩm/năm (tương đương 12,08 tấn sản phẩm/năm); Sản xuất hệ thống loa, bộ khuếch đại âm thanh cho các nhạc cụ, công suất 20.000 sản phẩm/năm (tương đương 36,8 tấn sản phẩm/năm); Sản xuất thiết bị hồng ngoại, bộ điều khiển từ xa, công suất 60.000 sản phẩm/năm (tương đương 5,4 tấn sản phẩm/năm); Sản xuất khóa dây giày cao su, công suất 9.500.000 sản phẩm/năm (tương đương 54 tấn sản phẩm/năm)” tại lô đất số C.II.II-1, đường số 9, Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

### 1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: “Nhà máy sản xuất của Công ty TNHH Ryder Industries Việt Nam: Sản xuất bo mạch điện tử (không bao gồm công đoạn xi mạ), công suất 900.000 sản phẩm/năm (tương đương 12,08 tấn sản phẩm/năm); Sản xuất hệ thống loa, bộ khuếch đại âm thanh cho các nhạc cụ, công suất 20.000 sản phẩm/năm (tương đương 36,8 tấn sản phẩm/năm); Sản xuất thiết bị hồng ngoại, bộ điều khiển từ xa, công suất 60.000 sản phẩm/năm (tương đương 5,4 tấn sản phẩm/năm); Sản xuất khóa dây giày cao su, công suất 9.500.000 sản phẩm/năm (tương đương 54 tấn sản phẩm/năm)”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô đất số C.II.II-1, đường số 9, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 3603945871 đăng ký lần đầu ngày 11/01/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 7650124278 chứng nhận lần đầu ngày 02/01/2024, chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 22/7/2024 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3603945871.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bo mạch điện tử (không bao gồm công đoạn xi mạ); Sản xuất hệ thống loa, bộ khuếch đại âm thanh cho các nhạc cụ; Sản xuất thiết bị hồng ngoại, bộ điều khiển từ xa; Sản xuất khóa dây giày cao su.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Diện tích khu đất của dự án 15.000 m<sup>2</sup>.

- Tiêu chí về môi trường: Dự án nhóm II.

- Quy mô: Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình quy định tại cột 4 mục 17 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Công suất: 900.000 sản phẩm/năm tương đương 12,8 tấn sản phẩm/năm (Bo mạch điện tử); 20.000 sản phẩm/năm tương đương 36,8 tấn sản phẩm/năm (Hệ thống loa, bộ khuếch đại âm thanh cho các nhạc cụ); 60.000 sản phẩm/năm tương đương 5,4 tấn sản phẩm/năm (Thiết bị hồng ngoại, bộ điều khiển từ xa); 9.500.000 sản phẩm/năm tương đương 54 tấn sản phẩm/năm (Khóa dây giày cao su).

- Quy trình công nghệ sản xuất bo mạch điện tử: *Chuẩn bị và kiểm tra nguyên vật liệu → Gắn kết bề mặt → Sắp xếp và lắp ráp → Kiểm tra và thử nghiệm → Đóng gói sản phẩm → Nhập kho.*

- Quy trình công nghệ sản xuất hệ thống loa, bộ khuếch đại âm thanh cho các nhạc cụ; sản xuất thiết bị hồng ngoại, bộ điều khiển từ xa:

*Hạt nhựa → Ép nhựa → In nhãn, logo (1).*

*Chuẩn bị và kiểm tra nguyên vật liệu → Gắn kết bề mặt → Hàn → Sắp xếp và lắp ráp mạch in → Kiểm tra và thử nghiệm mạch in (2).*

*(1)+ (2) → Sắp xếp và lắp ráp sản phẩm → Kiểm tra và thử nghiệm sản phẩm → Đóng gói sản phẩm → Nhập kho.*

- Quy trình sản xuất khóa dây giày cao su: *Nguyên liệu hạt nhựa → Máy ép nhựa → In nhãn, logo → Sắp xếp và lắp ráp → Kiểm tra và thử nghiệm → Đóng gói sản phẩm → Nhập kho.*

**Ghi chú:** Trong quy trình sản xuất các sản phẩm không bao gồm công đoạn xi mạ.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

### **Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ dự án:

1. Chủ dự án có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Chủ dự án có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp

giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày      tháng      năm 2024 đến ngày      tháng      năm 2034).

**Điều 4.** Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các KCN Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Long Thành;
- Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành;
- Chủ dự án (thực hiện);
- Website Ban Quản lý các KCN;
- Lưu: VT, MT (AD).

**TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Trí Phương**

## PHỤ LỤC 1

### YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nước thải của dự án sau xử lý sơ bộ được thu gom về hệ thống thu gom nước thải và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Long Thành theo Hợp đồng xử lý nước thải số 169/2024/HĐ-SZL-KDĐT.NT ngày 08/04/2024 giữa Chủ dự án và Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành.

- Chủ dự án không được xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

#### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

##### 1. Công trình, biện pháp thu gom nước mưa, nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh từ các khu nhà vệ sinh tại khu vực văn phòng, khu nhà xưởng 2, nhà vệ sinh chung của công nhân với lưu lượng 8,8 m<sup>3</sup>/ngày đêm được thu gom về 03 bể tự hoại 3 ngăn (2 bể có thể tích 10,8 m<sup>3</sup>/bể, 01 bể có thể tích 12 m<sup>3</sup>) để xử lý sơ bộ trước khi đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Long Thành tại 01 hố ga đầu nối số B15a trên đường số 9 của Khu công nghiệp Long Thành.

- Nguồn số 02: Nước vệ sinh văn phòng, nhà xưởng phát sinh với lưu lượng 1,6 m<sup>3</sup>/ngày đêm sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Long Thành tại 01 hố ga đầu nối số B15a trên đường số 9 của KCN Long Thành.

##### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Bể tự hoại 3 ngăn xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Nước thải sinh hoạt* → 03 bể tự hoại → *Đầu nối hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Long Thành.*

- Công suất thiết kế: 03 bể tự hoại với tổng thể tích 33,6 m<sup>3</sup>.

- Hóa chất sử dụng: không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

##### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

- Trường hợp công trình xử lý nước thải xảy ra sự cố, tiến hành thông báo tạm ngưng các hoạt động phát sinh nước thải để khắc phục sự cố. Thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Long Thành để có sự phối hợp xử lý, khắc phục sự cố.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Long Thành, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, thoát nước thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Thành để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

**PHỤ LỤC 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-KCNDN ngày tháng năm*  
*2024 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải từ lò sấy.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ quá trình hàn tay.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ quá trình hàn sóng.
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ quá trình in.
- Nguồn số 05: Bụi từ quá trình nghiền nhựa.
- Nguồn số 06: Bụi, khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng ống thải khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ lò sấy, máy hàn sóng và máy hàn tay (nguồn số 01, 02, 03). Tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1196691,3; Y= 408979,8.

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng ống thải khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ quá trình in (nguồn số 04). Tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1196685,3; Y= 408984,4.

**Ghi chú:** theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực  $107^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ .

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 39.188 m<sup>3</sup>/giờ. Trong đó:**

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 20.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 12.000 m<sup>3</sup>/giờ.

**2.2.1. Phương thức xả khí thải:** Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả thải liên tục 24/24 giờ khi phát sinh.

**2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với  $K_v = 1,0$  và  $K_p$  theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải của dự án) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:**

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
<b>I</b>	<b>Dòng thải số 1</b>				
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	<i>Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 98 Nghị</i>	<i>Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại Khoản 2</i>

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	200	định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ	Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
3	Cu	mg/Nm <sup>3</sup>	10		
<b>II</b>	<b>Dòng thải số 02</b>				
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-		
2	Benzen	mg/Nm <sup>3</sup>	5		

**Ghi chú:**

(1) Giá trị giới hạn cho phép theo: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với  $K_v = 1,0$  và  $K_p = 1,0$ ) và QCVN 20:2009/BTNMT.

(2) Chủ dự án vẫn phải thường xuyên kiểm tra, giám sát các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với  $K_v = 1,0$  và  $K_p$  theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải) và QCVN 20:2009/BTNMT.

## **B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01, 02 và 03: Khí thải từ lò sấy, máy hàn sóng và máy hàn tay được thu gom, xử lý qua hệ thống xử lý khí thải từ lò sấy, máy hàn sóng và máy hàn tay, công suất thiết kế 20.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Nguồn số 04: Khí thải từ quá trình in được thu gom, xử lý qua hệ thống xử lý khí thải từ quá trình in, công suất thiết kế 12.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Nguồn số 05: Bụi từ quá trình nghiền nhựa được thu gom, xử lý qua 06 hệ thống lọc bụi, công suất thiết kế 1.160 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống.

- Nguồn số 06: Bụi, khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng được thu gom, xả thải ra ngoài môi trường thông qua 01 ống thoát khí thải có đường kính Ø90mm, cao 5,0 m.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1 Hệ thống xử lý khí thải từ lò sấy, máy hàn sóng và máy hàn tay: 01 hệ thống.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải từ lò sấy, máy hàn sóng và máy hàn tay → Đường ống thu gom → Thiết bị lọc bụi túi vải → Quạt hút → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Ống thoát khí thải → Khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường được xả thải ra môi trường.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: vật liệu hấp phụ than hoạt tính.

- Công suất thiết kế: 20.000 m<sup>3</sup>/giờ.

1.2.2 Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình in: 01 hệ thống.



- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Bụi, khí thải từ quá trình in* → *Chụp hút* → *Đường ống thu gom* → *Quạt hút* → *Tháp hấp phụ than hoạt tính* → *Ống thải* → *Khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường được xả thải ra môi trường.*

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: vật liệu hấp phụ than hoạt tính.

- Công suất thiết kế: 12.000 m<sup>3</sup>/giờ.

1.2.3 Hệ thống xử lý bụi từ quá trình nghiền nhựa: 06 hệ thống.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Bụi từ quá trình nghiền nhựa* → *Quạt hút* → *Cyclone* → *Bộ lọc bụi túi vải* → *Môi trường không khí khu vực xưởng sản xuất.*

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: vật liệu hấp phụ than hoạt tính.

- Công suất thiết kế: 1.160 m<sup>3</sup>/giờ.hệ thống.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Bố trí công nhân vận hành thường xuyên, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu quy định phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Định kỳ thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như:

+ Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý.

+ Trong trường hợp thiết bị gặp sự cố, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

+ Giám sát hệ thống xử lý bụi, khí thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.

+ Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động để thay thế, sửa chữa hoặc các trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để giảm tải hoặc dừng hoạt động của các tổ máy để kiểm tra, khắc phục.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: trong thời gian 6 tháng kể từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải (theo điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 01 hệ thống xử lý xử lý khí thải từ lò sấy, máy hàn sóng và máy hàn tay (dòng khí thải số 01).

- 01 hệ thống xử lý khí thải từ quá trình in (dòng khí thải số 02).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc bụi, khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải gửi Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.7. Phải có biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi trong quá trình sản xuất, xử lý nước thải và lưu giữ chất thải

3.8. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

### PHỤ LỤC 3

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm  
2024 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy ép nhựa tại khu vực sản xuất khóa dây giày cao su.
- Nguồn số 02: Máy nghiền nhựa tại khu vực sản xuất khóa dây giày cao su.
- Nguồn số 03: Lò sấy tại khu vực sản xuất thiết bị điện dân dụng và khu vực sản xuất bo mạch điện tử.
- Nguồn số 04: Dây chuyền lắp ráp tại khu vực sản xuất thiết bị điện dân dụng và khu vực sản xuất bo mạch điện tử.
- Nguồn số 05: Hệ thống xử lý khí thải.
- Nguồn số 06: Máy phát điện dự phòng.

#### 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1196701.3 ; Y = 408909.3.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1196699.4 ; Y = 408909.9.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1196670.2 ; Y = 408939.1.
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 1196706.8 ; Y = 408960.4.
- Nguồn số 05: Tọa độ X = 1196687.6 ; Y = 408980.5.
- Nguồn số 06: Tọa độ X = 1196687.7; Y = 408981.0.

**Ghi chú:** theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trục  $107^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ .

**3. Tiếng ồn:** Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc theo QCVN 24:2016/BYT, cụ thể như sau:

STT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương ( $L_{aeq}$ ) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

**4. Độ rung:** phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT.

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Tách riêng khu vực văn phòng và khu vực sản xuất;
- Chủ dự án đảm bảo toàn bộ máy móc, thiết bị sẽ được nâng cấp đạt yêu cầu về kỹ thuật trước khi chuyển đến và đưa vào hoạt động sản xuất do đó sẽ hạn chế được phần nào khả năng gây ồn;
- Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên bôi trơn máy móc hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng;
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy móc thiết bị để giảm rung, giảm ồn;
- Kiểm tra độ cân bằng của các máy móc, thiết bị và hiệu chỉnh nếu cần thiết;
- Bảo dưỡng các máy móc, thiết bị định kỳ;
- Đối với công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị đầy đủ nút bịt tai, bao ốp tai chống ồn;
- Bố trí thời gian lao động thích hợp tại các khâu gây ồn, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại nơi có độ ồn cao;
- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.
- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**PHỤ LỤC 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm  
2024 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh dự kiến:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:**

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	NH	Rắn	5
2	Mực in (loại có các thành phần nguy hại) thải	08 02 01	KS	Rắn	25
3	Kim loại bị nhiễm các thành phần nguy hại	11 04 01	NH	Rắn	100
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	Rắn	10
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	NH	Lỏng	15
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	18 01 01	KS	Rắn	35
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	18 01 03	KS	Rắn	60
8	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải (vỏ thùng dầu gốc, mỡ bôi trơn hoàn toàn)	18 01 02	KS	Rắn	70
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (than hoạt tính thải)	18 02 01	KS	Rắn	1.488
10	Các thiết bị, bộ phận,	19 02 06	NH	Rắn	300

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
	linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)				
11	Các loại pin, ắc quy khác	19 06 05	NH	Rắn	10
<b>Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)</b>					<b>2.118</b>

**Ghi chú:** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện phân định, phân loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo)	08 02 08	TT	Rắn	2
2	Gỗ	11 02 02	TT-R	Rắn	100
3	Nhựa	11 02 04	TT-R	Rắn	1.125
4	Giấy, bao bì giấy (thùng carton)	12 08 03	TT-R	Rắn	1.300
5	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 06	TT-R	Rắn	600
6	Bao bì kim loại thải (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH và không có lớp lót nguy hại như amiang) thải	18 01 08	TT-R	Rắn	250
7	Kim loại và hợp kim các loại không lẫn với CTNH	11 04 03	TT-R	Rắn	900
8	Bảng mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần	19 02 07	TT	Rắn	950

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
	nguy hại				
9	Bùn thải từ các quá trình xử lý nước thải (Bùn bể tự hoại)	12 06 13	TT	Bùn	6.300
<b>Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)</b>					<b>11.527</b>

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh dự kiến:

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	32
<b>Tổng khối lượng dự kiến (tấn/năm)</b>		<b>32</b>

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng lưu chứa ghi nhãn mã chất thải nguy hại được lưu chứa.

2.1.2. Khu lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 7,5 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa chất thải nguy hại được xây dựng kiên cố, có tường bao đảm bảo che nắng, che mưa, tránh gió và có nền chống thấm. Bố trí khay inox chống chảy tràn để thu chất lỏng nếu chất thải nguy hại dạng lỏng bị chảy và đảm bảo không để rò rỉ, đổ tràn ra ngoài kho. Phân chia khu vực lưu chứa từng loại chất thải nguy hại. Bố trí thùng lưu giữ CTNH màu vàng để thực hiện lưu giữ từng loại CTNH, có dán nhãn mã CTNH tương ứng kèm theo bảng cảnh báo. Ngoài ra, kho chất thải nguy hại còn được trang bị: thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định, vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng, biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo quy định.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa có nắp đậy, bao bì lưu chứa.

2.2.2. Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 17,5m<sup>2</sup> gồm kho chứa chất thải rắn tái chế có diện tích 12,5 m<sup>2</sup> và kho chứa chất thải rắn không tái chế có diện tích 5,0 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có mái che, vách ngăn kiên cố, gia cố nền chống thấm, dán biển báo kho chất thải và các biển báo cấm lửa, biển báo PCCC, bên trong kho bố trí palet gỗ và thùng lớn lưu chứa riêng các loại chất thải.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1 Thiết bị lưu chứa: các thùng rác dung tích 120 lít - 240 lít có nắp đậy để vào khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt của công ty. Các thùng này được thu gom theo lịch trình nhất định, định kỳ 1 lần/ngày.

2.3.2 Diện tích khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt: 7,5m<sup>2</sup>.

**2.4.** Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.



## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG:**

### **1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

### **2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:**

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất.

### **3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:**

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

**PHỤ LỤC 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNDN ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

Không.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với dự án.

4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.

6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Trong quá trình hoạt động nếu dự án có xảy ra sự cố môi trường, phải

chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành, UBND huyện Long Thành, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan. Chủ dự án chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

10. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện quản lý sử dụng đất, trình tự thủ tục xây dựng, PCCC theo quy định pháp luật hiện hành

13. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

## **BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**